

Số: /2024/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 08 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt (sau đây viết tắt là Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3 Giải thích từ ngữ

Đăng kiểm viên đường sắt là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này và được cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên đường sắt (sau đây gọi tắt là đăng kiểm viên). Đăng kiểm viên gồm hai hạng: Đăng kiểm viên đường sắt và Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Tiêu chuẩn của đăng kiểm viên

1. Đối với đăng kiểm viên đường sắt

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo

phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm;

c) Đạt yêu cầu trong kỳ đánh giá đăng kiểm viên đường sắt trước khi công nhận đăng kiểm viên đường sắt;

d) Có thời gian thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên đường sắt từ 12 tháng trở lên. Trường hợp có thời gian làm việc trực tiếp cộng dồn tối thiểu 36 tháng tại vị trí phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm thì thời gian thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên đường sắt từ 06 tháng trở lên.

2. Đối với đăng kiểm viên đường sắt bậc cao

a) Có tổng thời gian giữ hạng đăng kiểm viên đường sắt đủ 05 (năm) năm trở lên;

b) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm;

c) Đạt yêu cầu trong kỳ đánh giá đăng kiểm viên đường sắt bậc cao trước khi công nhận đăng kiểm viên đường sắt bậc cao.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Nhiệm vụ của đăng kiểm viên

1. Đối với đăng kiểm viên đường sắt

a) Tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tham mưu xây dựng, bổ sung, sửa đổi tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ;

b) Tham gia thẩm định báo cáo đánh giá an toàn hệ thống của Tổ chức chứng nhận đối với các nội dung liên quan đến phương tiện, không bao gồm hệ thống tín hiệu lắp đặt trên phương tiện;

c) Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với linh kiện, tổng thành, thiết bị, phương tiện giao thông đường sắt;

d) Lập hồ sơ đăng kiểm cho các đối tượng nêu tại điểm b, điểm c Khoản 1 Điều này;

đ) Tính các loại giá và lệ phí đăng kiểm;

e) Hướng dẫn thực tập cho học viên đã hoàn thành lớp tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt;

f) Tham gia tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho đăng kiểm viên đường sắt;

g) Tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về những vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ khi có yêu cầu.

2. Đối với đăng kiểm viên đường sắt bậc cao

Đảng kiểm viên đường sắt bậc cao thực hiện các nhiệm vụ của đảng kiểm viên đường sắt theo quy định tại Khoản 1 Điều này, ngoài ra còn thực hiện những nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì hoặc tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tham mưu xây dựng, bổ sung, sửa đổi tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, văn bản quy phạm pháp luật;

b) Phúc tra kết quả kiểm tra của đảng kiểm viên đường sắt, tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về những vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ khi có yêu cầu;

c) Hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ và đánh giá năng lực đảng kiểm viên đường sắt;

d) Tham gia tập huấn cập nhật, bổ sung về chuyên môn nghiệp vụ dành cho đảng kiểm viên đường sắt bậc cao;

e) Tham gia phân tích, xác định nguyên nhân sự cố tai nạn giao thông đường sắt khi có yêu cầu.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Ký và sử dụng dấu, ấn chỉ nghiệp vụ khi lập hồ sơ đảng kiểm theo quy định.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 như sau:

“4. Từ chối thực hiện kiểm tra nếu công việc được phân công vượt quá năng lực chuyên môn nghiệp vụ đã được công nhận hoặc khi nhận thấy các điều kiện an toàn lao động tại hiện trường không bảo đảm.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Trách nhiệm của đảng kiểm viên

1. Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật về kết quả công việc được phân công.

2. Thực hiện nhiệm vụ được giao phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức đảng kiểm và quy định của pháp luật.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Chương trình tập huấn nghiệp vụ đảng kiểm viên

Cục Đảng kiểm Việt Nam ban hành chương trình, tài liệu tập huấn nghiệp vụ và tổ chức thực hiện tập huấn nghiệp vụ cho các đảng kiểm viên.”

Chương trình tập huấn nghiệp vụ đảng kiểm viên bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan;

b) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

c) Các quy trình và hướng dẫn nghiệp vụ đăng kiểm liên quan đến nhiệm vụ được giao;

d) Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Đánh giá, công nhận, công nhận lại và thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức đánh giá, công nhận đăng kiểm viên; công nhận lại đăng kiểm viên khi giấy chứng nhận đăng kiểm viên hết hiệu lực, bị mất, bị hỏng.

2. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam:

a) Ban hành quy trình đánh giá, công nhận và công nhận lại đăng kiểm viên;

b) Quyết định thành lập Hội đồng công nhận đăng kiểm viên để thực hiện việc đánh giá đăng kiểm viên;

c) Cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng công nhận đăng kiểm viên.

3. Giấy chứng nhận đăng kiểm viên có thời hạn 05 (năm) năm theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 03 (ba) tháng trước khi giấy chứng nhận đăng kiểm viên hết hiệu lực hoặc khi bị mất, bị hỏng, đăng kiểm viên có trách nhiệm báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức đánh giá để công nhận lại đăng kiểm viên theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

4. Đăng kiểm viên bị thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm các quy định hiện hành khi thực thi công vụ với mức độ bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

b) Có hành vi tiêu cực, sách nhiễu, cố ý gây khó khăn cho khách hàng trong quá trình thực thi nhiệm vụ;

c) Không được thủ trưởng cơ quan, đơn vị tiếp tục giao nhiệm vụ đăng kiểm viên.

5. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên đối với các trường hợp nêu tại khoản 4 Điều này.”.

Điều 2. Bãi bỏ một số điểm, khoản, Điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT.

1. Bãi bỏ Điều 8; điểm d, điểm k Khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 13; Khoản 2 Điều 14 của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT.

2. Bổ sung Phụ lục I vào Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Điều khoản chuyển tiếp

Các giấy chứng nhận đăng kiểm viên đường sắt đã được công nhận theo Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tiếp tục được duy trì đến ngày hết hiệu lực của giấy chứng nhận.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông; Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KHCN.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thắng

Phụ lục I
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN
(Ban hành kèm theo Thông tư số/2024/TT-BGTVT
ngày.... tháng ... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Ông/Bà:

Năm, nơi sinh:

Đơn vị công tác:

Được công nhận là: Đăng kiểm viên đường sắt/Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao

Được phép thực hiện các loại hình kiểm tra sau:

- 1.
- 2.
- 3.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày:.....

Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...

CỤC TRƯỞNG

Số giấy chứng nhận:.....